TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƠN TRẠCH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/10/2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Minh.

2. Bà Trần Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch *tham gia phiên tòa*: Ông Đinh Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 294/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1988.

Địa chỉ thường trú: Đường K, phường A, Quận 2 Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 47, khu A, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Tấn K, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 3/2, đường T, tổ 59, khu phố L, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Tổ 47, khu A, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

Chị T có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/4/2019, bản tự khai ngày 16/5/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K tự nguyện xây dựng gia đình với nhau vào 2009, có tổ chức lễ cưới đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Quận 2 vào ngày 19/8/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nguyên nhân là do anh K sống không chung thủy, chung sống như vợ chồng với người khác (tên Trang, sinh sống tại Quận 4, TP.HCM), có con riêng và luôn xúc phạm, chửi mắng Chị. Chị và gia đình hai bên đã khuyên can rất nhiều lần nhưng anh K không từ bỏ mà công khai chung sống với bà Trang, bỏ mặt vợ con, không quan tâm đến. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2017, không bàn bạc đoàn tụ gì. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và kiên quyết được ly hôn anh K.

Về con chung: có 01 cháu tên Trần Tấn Kh, sinh ngày 25/8/2010. Cháu Kh do Chị đang nuôi dưỡng. Nếu ly hôn Chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có, còn anh K có nợ ai, Chị không biết.

- Bị đơn anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh K vắng mặt không có lý do nên không có lời khai của anh K.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và thu thập chứng cứ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh K.

Về nội dung: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện và xử cho chị T được ly hôn anh K.

Giao cháu Kh cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

Về kiến nghị, khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ngày 18/4/2019, chị T có đơn yêu cầu ly hôn đối với anh K. Theo Sổ tạm trú số: 190190536 do Ban Công an xã Đ, huyện N cấp ngày 09/9/2015 và xác nhận của Ban Công an xã Đ tại đơn ly hôn thì anh Trần Tấn K có đăng ký tạm trú tại tổ 47, khu A, ấp P, xã Đ, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được Tòa án thụ lý, giải quyết. Ngày 30/7/2019, Ban Công an xã Đ xác nhận anh K không còn sinh sống tại địa phương (bút lục số 44). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đã quy định: "Người khởi kiện đã cung cấp địa chỉ "nơi cư trú" của người bị kiện cho Tòa án theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn tại khoản 1 Điều này tại thời điểm nộp đơn khởi kiện mà được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp, xác nhận hoặc có căn cứ khác chứng minh rằng đó là địa chỉ của người bị kiện thì được coi là đã ghi đúng địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trường hợp này xem như anh Trần Tấn K cố tình giấu địa chỉ nên vẫn tiến hành giải quyết theo thủ tục chung.

Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch được quy định tại Điều 28, 35, khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh K nhưng Anh vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Trần Tấn K.

[3] *Về áp dụng pháp luật nội dung để giải quyết*: Quan hệ hôn nhân và gia đình của chị T, anh K được xác lập trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu luật (ngày 01/01/2015) nên áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh K xây dựng gia đình với nhau vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 19/8/2010, do cả hai cùng tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Chị T yêu cầu ly hôn, anh K vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được theo quy định. Xét, mâu thuẫn vợ chồng (theo lời chị T trình bày) thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ đầu năm 2017; nguyên nhân chính là do anh K sống không chung thủy, chung sống như vợ chồng với người khác, có con riêng

và luôn xúc phạm đến Chị, mặc dù đã được chị T và gia đình hai bên đã khuyên can nhưng anh K vẫn không thay đổi mà công khai chung sống với bà Trang, không quan tâm đến đến gia đình. Lời khai của bà Trần Thị Hồng L, mẹ ruột anh K cũng xác định nguyên nhân chính dẫn đến chị T ly hôn cũng giống như lời chị T trình bày; các bức ảnh do chị T cung cấp thể hiện anh K đã tổ chức lễ cưới và có con riêng với người khác và vợ chồng đã sống ly thân thời gian dài không gặp nhau để hòa giải đoàn tụ. Như vậy, có cơ sở khẳng định tình cảm giữa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, không thể tồn tại hôn nhân mà không có hạnh phúc nên xử cho chị T được ly hôn anh K là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[5] *Về con chung:* có 01 cháu tên Trần Tấn Kh, sinh ngày 25/8/2010, do chị T đang nuôi dưỡng. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Do anh K vắng mặt nên không biết được yêu cầu của Anh như thế nào để xem xét.

Xét,việc giao con cho ai được nuôi dưỡng cần xem xét điều kiện, hoàn cảnh kinh tế thực tế, chỗ ở của các bên, điều kiện để phát triển về mọi mặt của con từ thể chất đến tinh thần và việc học hành. Tại bản tự khai ngày 16/5/2019, cháu Kh có nguyện vọng được sinh sống với chị T. Theo lời khai của chị T thì Chị có việc làm và thu nhập ổn định và từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, Chị nuôi con luôn được đảm bảo tốt. Vì vậy, xử giao cháu Kh cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng nhằm giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần, thể chất và cuộc sống cho con, là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kh và quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Chi T khai không có, anh K vắng mặt, không có lời khai nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình.

[9] Về quan điểm, ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 266, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 85, 89, 91, 92, 94 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị Ngọc T đối với anh Trần Tấn K.

Xử cho chị T được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giao cháu tên Trần Tấn Kh, sinh ngày 25/8/2010 cho chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng.

Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T, anh K vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh K có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000557 ngày 19/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch.

3. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản sao bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H.Nhơn Trạch;
- THADS H.Nhơn Trạch;
- UBND phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Mỹ